TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HS-ST
Ngày 30 - 5 -2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hùng Em;

Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Hửu Có, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (điểm cầu trung tâm) và Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp (điểm cầu thành phần) xét xử phiên tòa trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 05/5/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 16/5/2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng Tuấn K (tên gọi khác: Đ), sinh ngày 29/11/2006 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hoàng V, sinh năm 1985 và bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 1983; Tiền án: không; tiền sự: Trưởng Công an huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính số: 23/QĐ-VPHC ngày 30/01/2024 về hành vi Cố ý gây thương tích; Trưởng Công an xã P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 03/QĐ-VPHC ngày 05/12/2024 về sử dụng trái phép chất ma túy; Nhân thân: không, có mặt.

2. Lê Hoàng T (tên gọi khác: Trang N1), sinh năm 2003 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trung K1, sinh năm 1983 và bà Võ Thu D, sinh năm 1982, có vợ là Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 2004 và 01 con; Tiền án: TAND

huyện Tam Nông ra Bản án số: 24/2022/HS-ST ngày 23/6/2022, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: TAND huyện Tam Nông ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 02/2025/QĐ-TA ngày 14/01/2025, thời gian 14 tháng, có mặt.

- *Bị hại:* Trần Minh Q, sinh ngày 05/02/2007, trú tại: ấp E, xã H, huyện T, tỉnh Long An, có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Trí T2, sinh ngày 10/11/2009. Người đại diện hợp pháp: Lê Văn S, sinh năm 1958, cùng địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

2. Nguyễn Minh N, sinh ngày 27/10/2012. Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1984, cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ, ngày 18/11/2024, sau khi uống rượu xong, Nguyễn Minh N (sinh ngày 27/10/2012) rủ Lê Trí T2 (sinh ngày 10/11/2009) và bị cáo Lê Hoàng Tuấn K đi trộm tài sản.

T2 đi bộ lại nhà ông nội tên Lê Văn S (ngụ ấp K, xã P) để mượn xe. Khi đến nhà, T2 thấy mọi người đã ngủ, nên tự ý lấy chìa khóa xe để trên đầu giường và dẫn xe ra ngoài. Sau đó, K điều khiển xe trên chở N và T2 đi hướng vào ấp H, xã P để tìm tài sản, K nhìn thấy bên trái đường có 01 xe Kope và 02 xe chở đất đang đậu cặp lề đường không người trông coi, K dừng xe lại, cùng với N đi vào tìm tài sản để trộm, T2 đứng trên đường cảnh giới. K thấy xe mô tô Dream, màu nâu, biển số 52H7 – 2095 của Trần Minh Q đang đậu dưới mé Kênh An B có dùng vải che đậy lại, K kéo vải ra thấy xe không có gắn chìa khóa, K kêu N phụ tiếp đẩy xe lên đường lộ nhựa và lấy trộm xe này. K kêu T2 ngồi trên xe trộm để K điều khiển xe chở N phía sau dùng chân đẩy xe trộm về hướng chợ P, đi đến ấp P, xã P dừng lại, K đi xuống rút dây câu trực tiếp và điều khiển xe trộm trên, T2 điều khiển xe chở N phía sau đến thành phố H, tỉnh Đồng Tháp để tìm chỗ bán nhưng không được; N gọi điện thoại qua Messenger tài khoản Facebook Tuấn K (Đ) qua tài khoản Facebook Trang N1 (H) của Lê Hoàng T, ngụ khóm E, thị trấn T, huyện T, nói: "*anh ơi, em mới trộm được chiếc xe nè, anh mua không*", T trả lời: "*em đem xe ra nhà anh coi sau rồi anh mua*"; cả ba điều khiển xe quay về thị trấn T, khi đến xã A xe T2 điều khiển chở N hết xăng nên K rút xăng qua cho xe T2, sau đó điều khiển một mình chạy trước đến nhà T thuộc khóm E, thị trấn T, huyện T.

Khoảng 06 giờ, cùng ngày K đến nhà gặp T, T kiểm tra thấy xe không có chìa khóa, đang câu dây điện trực tiếp, K nói xe vừa trộm được không có giấy tờ, T đồng ý mua và trả cho K 1.500.000 đồng. Sau khi mua xe xong, T nhờ bạn tên Trần

Văn T3 chở K về xã P, K gặp T2 và N nói bán xe được một triệu mấy (không nói cụ thể bao nhiêu tiền), K đưa cho T2 300.000 đồng tiền mặt, đưa thêm cho T2 200.000 đồng để mua card game, T2 mua 2 card game loại Viettel, mỗi cái giá 100.000 đồng, T2 đưa K 01 card game, T2 giữ lại 01 card game. K đưa cho N 100.000 đồng tiền mặt, nạp game 30.000 đồng và mua nước uống 10.000 đồng cho N. Số tiền còn lại 860.000 đồng, 01 card game loại 100.000 đồng K giữ nạp game và tiêu xài cá nhân hết.

- Kết luận định giá tài sản: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Dream, màu nâu, biển số kiểm soát 52H7-2095, số khung Y-004328, số máy HA08E-0004347, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là: 6.667.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu nâu, biển số kiểm soát 52H7-2095, số khung: Y004328, số máy HA08E – 0004347 (Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Q xong); 01 biển số 66N1-552.92.

- Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKS-TN ngày 02/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố: Lê Hoàng Tuấn K, về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự; Lê Hoàng T, về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 90, 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự, tuyên bị cáo Lê Hoàng Tuấn K phạm tội: "Trộm cắp tài sản", mức án từ 03 - 05 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Căn cứ khoản 1, Điều 323; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; khoản 1, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bị cáo Lê Hoàng T phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", mức án từ 06 - 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về dân sự: Do Trọng đã nộp 400.000 đồng và N đã nộp 140.000 đồng thu lợi bất chính xong nên chỉ buộc K nộp số tiền 960.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán tài sản trộm được để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Về vật chứng: Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Toà án nhân dân huyện Tam Nông: Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ biển số kiểm soát giả 66N1 - 552.92 để tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Do N và T2 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, hiện đã ra quyết định xử lý hành chính bằng hình thức Cảnh cáo đối với T2 xong. Riêng N chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra giao cho gia đình quản lý giáo dục.

+ Lê Hoàng T đặt mua biển số kiểm soát giả 66N1 – 552.92 trên mạng xã hội, mục đích để tránh người khác phát hiện việc mua xe trộm, hiện nay không xác định được người bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể làm việc được để xem xét vai trò xử lý chung trong vụ án này. Khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

+ Điện thoại di động của K và T sử dụng để liên lạc mua bán xe, cả 02 trình bày đã bị rơi mất và không xác định vị trí nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

+ Lê Trí T2 tự ý lấy xe mô tô của ông nội tên Lê Văn S để làm phương tiện đi lấy trộm tài sản, thời điểm T2 mượn xe, ông S không biết, đến khi N mang xe về trả, ông S vẫn không biết T2 dùng phương tiện trên để đi trộm, hàng ngày T2 cũng hay lại nhà ông S lấy xe đi chơi giống như trường hợp nêu trên, sau đó T2 mang xe về trả cho ông S. Hiện nay ông S đã bán xe trên cho người khác (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). Ông S không đồng phạm nên không xem xét xử lý.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo, thừa nhận hành vi và thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố và thống nhất theo kết quả định giá tài sản.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: *"Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."*

Bị cáo K cho là sau khi uống rượu, N rủ T2 và K đi trộm, sau khi lấy được tài sản là 01 xe mô tô biển số 52H7-2095 (trị giá 6.667.000đồng) thì đem bán cho bị cáo T. Xét lời nhận tội của bị cáo K đã phù hợp lời khai của người bị hại cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T khai nhận biết rõ xe môtô mà bị cáo K trong vụ án này có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của người khác nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán giúp cho việc thực hiện hành vi phạm tội trót lọt, để hưởng lợi. Do đó Hội đồng xét xử kết luận bị cáo T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân các bị cáo cũng nhận thức được tài sản có được là phải bỏ công sức lao động mới tạo nên nhưng các bị cáo đã xem thường, bất chấp pháp luật, vì muốn có tiền tiêu sài, nên đã lén lút lấy trộm và tiêu thụ tài sản hợp pháp của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó nên cần xử phạt bằng cách cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để được giáo dục từ bỏ con đường phạm tội, trở thành người có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe cho những ai có ý thức xấu xa như các bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo K phạm tội lần đầu, thuộc trường ít nghiêm trọng, nên áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho từng bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:*"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*, khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt: do bị cáo K phạm tội là người dưới 18 tuổi (đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) nên áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự để áp dụng mức phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại đã nhận lại tài sản, nên không có yêu cầu, bị cáo T không yêu cầu trả lại số tiền mua bán tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Đối với số tiền do phạm tội mà có 1.500.000đ, Lê Trí T2, Nguyễn Minh N đã nộp 540.000đ, riêng bị cáo K cũng đồng ý tự nguyện nộp lại 960.000đ. Xét thấy

đây là khoản tiền thu lợi bất chính, do phạm tội mà có, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý như sau:

+ Tại phiên tòa, không phát sinh tranh chấp các vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý giao trả, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Đối với các vật chứng: 01 biển số 66N1-552.92. Xét thấy, bị cáo T cho là sau khi mua được xe, thì thay đổi yên, gắn thêm rỗ đựng đồ phía trước, thay công tắc đèn, thay ổ khóa xe, tháo tem xe, đồng thời Trang thấy trên Facebook có quãng cáo làm biển số giả (do mua lần đầu nên không nhớ tên) nên liền đặt mua biển số 66N1-552.92 với giá 200.000 đồng, mục đích thay đổi để chạy tới lui.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho là không xác định được người bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể làm việc được để xem xét vai trò xử lý chung trong vụ án này. Khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Do đó, nghỉ nên giao cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục quản lý biển số 66N1-552.92 để xử lý theo quy định là phù hợp pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, cụ thể mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Lê Hoàng Tuấn K phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Xử phạt: Lê Hoàng Tuấn K 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38 ; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Lê Hoàng T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Xử phạt: Lê Hoàng T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- *Về vật chứng của vụ án*: căn cứ khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Giao cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ: 01 biển số 66N1-552.92 để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Buộc bị cáo Lê Hoàng T4 khang nộp 960.000 đồng tiền do thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 540.000 đồng do Lê Trí T2, Nguyễn Minh N nộp theo biên lai thu số: 0002299, ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

(Vật chứng là biển số nêu trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản giao, nhận ngày 21/5/2025).

- *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng các Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Lê Hoàng Tuấn K, Lê Hoàng T, mỗi người phải nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền làm đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA